

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 6- 2022

“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kền

2. Ông Lê Như Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Mạnh Hà – Thư ký Tòa án thành phố H, tỉnh Q

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử số 3, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 tranh chấp về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị D

Sinh năm: 1980

Trú tại: tổ 4, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Q

Có mặt

2. Bị đơn: anh Vũ Hải L

Sinh năm: 1976

Trú tại: tổ 4, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Q

Vắng mặt (lần 2, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị D và anh Vũ Hải L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Q vào ngày 09/01/2002. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Giữa chị D và anh L đã sống ly thân được một thời gian từ khoảng tháng 12/2020 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Hải L.

Về con chung: trong quá trình chung sống giữa chị D và anh Long có 01 người con chung là cháu Vũ Thùy L1, sinh ngày 10/4/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Hải L vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2022, bà Đàm Thị L2 – Tổ trưởng tổ 4, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Q cho biết: chị Phạm Thị D và anh Vũ Hải L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 12/2020 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Về con chung: Giữa chị D và anh Long có 01 người con chung là cháu Vũ Thùy L1, sinh ngày 10/4/2002 đã thành niên và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Vũ Hải L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Vũ Hải L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của chị Phạm Thị D với anh Vũ Hải L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Hải L nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại: tổ 4, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị D và anh Vũ Hải L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 09/01/2002 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị D và anh L chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau. Hiện chị D và anh L đã sống ly thân được một thời gian, không ai còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Vũ Hải L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh L có 01 người con chung là cháu Vũ Thùy L1, sinh ngày 10/4/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị D phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Phạm Thị D với bị đơn là anh Vũ Hải L.

Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Vũ Hải L.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Phạm Thị D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000364 ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn là chị Phạm Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Vũ Hải L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tp H;*
- *Chi cục THADS tp H;*
- *TAND tỉnh Q;*
- *UBND p. T, tp H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

